

Bản đồ hóa đói nghèo: hướng nghiên cứu giảm nghèo ở Việt Nam

NGÔ QUANG THÀNH

Nhìn chung, có hai tiếp cận đối với vấn đề giảm nghèo ở Việt Nam: tiếp cận vĩ mô và tiếp cận vi mô. Tiếp cận vĩ mô vấn đề giảm nghèo là nghiên cứu nhận dạng hộ nghèo, trên cơ sở đó mà mở rộng ra xã nghèo, huyện nghèo, tỉnh nghèo, vùng nghèo¹. Tiếp cận vi mô vấn đề giảm nghèo nghiên cứu tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô, các quá trình kinh tế đối với việc giảm nghèo ở các cấp độ vùng, tỉnh, thậm chí ở các cấp độ thấp hơn như huyện, xã nếu có đầy đủ thông tin cần thiết. Có thể thấy mỗi cách tiếp cận đều có những ưu nhược điểm riêng, đều phục vụ đắc lực cho các tính toán chính sách nhất định. Xu hướng hiện nay là kết hợp cả hai tiếp cận này trên cơ sở các tiến bộ về kỹ thuật, công cụ phân tích và sự sẵn có của những thông tin thích hợp.

Nghiên cứu giảm nghèo ở góc độ vi mô sớm hay muộn cũng phải đề cập các vấn đề thuộc về chính sách vĩ mô. Ngược lại, nghiên cứu giảm nghèo ở góc độ vĩ mô cần chỉ ra các tác động của chính sách lên các hộ nghèo, từ đó có chính sách kinh tế thấu suốt từ cấp độ vĩ mô xuống vi mô.

Nghiên cứu giảm nghèo (cùng với nghiên cứu về phân phối công bằng thu nhập trong quá trình phát triển) có liên quan chặt chẽ với nghiên cứu tăng trưởng kinh tế, thậm chí về thực chất là nghiên cứu tăng trưởng. Bởi cả tăng trưởng kinh tế, nghèo đói, và bất bình đẳng thu nhập có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo, giảm nghèo và bất bình đẳng về thu nhập, tăng trưởng kinh tế và bất

bình đẳng về thu nhập là mối quan hệ hỗ tương, thúc đẩy lẫn nhau, và có nhiều kịch bản có thể xảy ra. Chúng ta đã lựa chọn mục tiêu đúng đắn là tăng trưởng kinh tế cao, bền vững đi đôi với xóa đói giảm nghèo và phân phối thu nhập công bằng trong từng bước, trong suốt quá trình phát triển. Bài viết này đề cập một số nội dung về thực trạng đói nghèo, phương pháp nghiên cứu nhằm đưa ra những gợi mở về hướng nghiên cứu, những đột phá về chính sách trong công cuộc chống đói nghèo ở Việt Nam.

1. Phần lớn các kết quả nghiên cứu về nghèo đói của Việt Nam trong những năm 1990 đã được chuyển tải vào nội dung của *Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo* do Chính phủ thông qua vào tháng 11 năm 2003. Trong chiến lược này, về thực trạng của đói nghèo, điểm nổi bật là sự khác biệt rất lớn về quy mô và tỷ lệ đói nghèo giữa các vùng, miền của đất nước (xem bảng 1). Dưới góc độ địa lý - không gian, đa số người nghèo tập trung ở những vùng có điều kiện tài nguyên thiên nhiên nghèo nàn, điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, hay biến động như vùng núi, vùng sâu, vùng xa hoặc ở đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung; ở khu vực nông thôn, ở vùng nhiều đồng bào dân tộc ít người sinh sống.

Ngô Quang Thành, Ths, Học viện Chính trị khu vực II.

1. Đào Công Tiến. Tạp chí Cộng sản, số 33-2002, tr 33-36.

BẢNG 1: Ước tính quy mô và tỷ lệ đói nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2001- 2005 của Chương trình xóa đói giảm nghèo theo vùng (2001)

	Số hộ nghèo (nghìn hộ)	So với tổng số hộ trong vùng (%)	So với tổng số hộ nghèo cả nước (%)
Tổng số	2800	17,2	100
Vùng Tây Bắc	146	33,9	5,2
Vùng Đông Bắc	511	22,3	18,2
Vùng Bắc Trung Bộ	337	9,8	12,0
Vùng đồng bằng sông Hồng	554	25,6	19,8
Vùng duyên hải miền Trung	389	22,4	19,8
Vùng Tây Nguyên	190	24,9	13,9
Vùng Đông Nam Bộ	183	8,9	6,6
Vùng đồng bằng sông Cửu Long	490	14,4	17,5

Nguồn: Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo (11-2003), tr 22.

Những khác biệt về quy mô và tỷ lệ đói nghèo giữa các vùng, miền, khu vực bắt nguồn từ:

- Những khác biệt (ở cấp độ thấp hơn là tỉnh, huyện, xã) về điều kiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, khả năng tiếp cận đến giáo dục và chăm sóc sức khỏe, khoảng cách và thời gian di chuyển đến các trung tâm thành thị (thành phố, thị xã, thị trấn, thị tứ) và trung tâm buôn bán (chợ, các đầu mối tập trung buôn bán). Những khác biệt này là nguyên nhân quan trọng tạo nên sự khác biệt trong thu nhập/chỉ tiêu của hộ gia đình giữa các vùng địa lý - hành chính khác nhau.

- Những khác biệt về điều kiện đất đai, thời tiết khí hậu nông nghiệp ảnh hưởng

đến mức độ ổn định của sản xuất nông nghiệp, năng suất và khả năng sinh lợi.

- Việc áp dụng các chính sách kinh tế vĩ mô không tính đến những khác biệt vùng về tự nhiên - kinh tế - xã hội trong một thời gian dài làm sâu sắc thêm những khác biệt về vùng thể hiện ở thu nhập/chỉ tiêu hộ gia đình, ở mức sống dân cư, ở những điều kiện về cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội... Đến lượt mình, các yếu tố này tác động lại làm cho sự khác biệt thêm trầm trọng.

Việt Nam luôn chủ trương coi vấn đề xóa đói giảm nghèo là mục tiêu xuyên suốt trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Để đạt mục tiêu này, một trong những việc cần làm là thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững ở các vùng động lực, tạo sức kéo mạnh cho toàn bộ nền kinh tế; đồng thời quan tâm đầu tư hỗ trợ nhiều hơn cho các vùng kém phát triển; hạn chế bớt chênh lệch về khoảng cách phát triển giữa các vùng, thu hẹp chênh lệch về khoảng cách thu nhập giữa các tầng lớp dân cư, quan tâm đến đời sống của các nhóm dân tộc ít người.

Các nghiên cứu về đói nghèo trước đây thường nghiên cứu vấn đề dưới hai góc độ độc lập với nhau: phân bố đói nghèo theo không gian (vùng kinh tế - sinh thái, khu vực thành thị - nông thôn) và các đặc tính nhân khẩu học - kinh tế - xã hội của hộ đói nghèo. Nếu chỉ dựa vào địa bàn sinh sống của đối tượng không thôi thì dễ xảy ra khả năng "rò rỉ", nghĩa là khả năng một hộ không nghèo vẫn được coi là nghèo chỉ vì họ sinh sống và làm ăn tại một địa bàn "nghèo". Khi đó những hộ gia đình được coi là "nghèo" này dễ dàng tiếp cận và thụ hưởng những lợi ích chỉ dành riêng cho người nghèo theo các chương trình, chủ trương của Nhà nước như: được dùng thẻ y tế khám bệnh miễn phí, được hưởng giáo dục tiểu học miễn phí (hoặc được trợ cấp) hoặc được hưởng một số ưu đãi về thuế. Nếu chỉ dựa vào những đặc tính chung của người nghèo, hộ nghèo thì dễ xảy ra khả năng các chương trình, chủ trương không thể bao

quát hết được các hộ nghèo vì kinh phí thực hiện quá lớn, và không tính đến các khác biệt lớn lao về mức sống dân cư tại các vùng miền khác nhau.

2. Phương pháp bản đồ hóa đói nghèo giúp việc xác định đâu là hộ nghèo chính xác hơn, vì nó không chỉ dựa trên địa bàn sinh sống của đối tượng cần xác định, mà còn dựa trên một loạt các đặc tính của người nghèo, hộ nghèo. Bản đồ đói nghèo mô tả chi tiết về phân phối đói nghèo theo không gian. Do đó, bản đồ đói nghèo có giá trị giúp cho chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, các định chế đa phương nâng cao hiệu quả chi tiêu xóa đói giảm nghèo. Bản đồ đói nghèo còn là một công cụ nghiên cứu quan trọng, chẳng hạn, mối quan hệ giữa nghèo đói, bất bình đẳng và các chỉ số của tăng trưởng và phát triển kinh tế như tốc độ tăng trưởng kinh tế².

Kinh nghiệm làm bản đồ đói nghèo ở các nước đang phát triển cho thấy khả năng xác định hộ nghèo càng cao cùng với việc chia càng nhỏ khu vực địa lý, bởi vì ở cấp độ địa lý - hành chính càng nhỏ (như huyện, xã) thì các đặc tính kinh tế - xã hội của các cộng đồng dân cư trở nên thuần nhất hơn và tác động của những điều kiện địa lý, thời tiết nông nghiệp lên dân cư (đặc biệt quan trọng ở nông thôn) hầu như giống nhau.

Tóm lại, bản đồ hóa đói nghèo và việc xác định đơn vị nghèo về mặt địa lý (xã, huyện, tỉnh, vùng) có những ưu điểm vượt trội so với các phương pháp xác định đơn vị nghèo trước đây như sau: *Thứ nhất*, cung cấp những tiêu chuẩn rõ ràng xác định bộ phận dân cư là nghèo, tránh tình trạng thiếu thông tin như trong các chương trình mục tiêu khác. *Thứ hai*, dễ dàng điều hành vĩ mô, quản lý cũng như thực hiện do gắn với các đơn vị địa lý - hành chính, nên tranh thủ được sự hỗ trợ của các định chế hành chính tại địa phương, cũng như của các tổ chức phi chính phủ. *Thứ ba*, xác định đơn vị nghèo về mặt địa lý cho phép kết hợp, lồng ghép các tiêu chuẩn về địa bàn và các tiêu chuẩn dựa trên một số đặc tính kinh tế - xã hội của hộ

gia đình (hoặc cá nhân) để nâng cao hiệu quả của các chương trình mục tiêu. *Thứ tư*, các chương trình mục tiêu, các chiến lược nếu được xây dựng dựa trên bản đồ đói nghèo sẽ không chỉ chuyển được thu nhập dưới nhiều hình thức cho các nhóm dân cư mục tiêu, mà còn có thể tác động làm tăng thu nhập cho dân cư. Các chính sách phát triển có thể kể ra ở đây như thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua đầu tư vào cơ sở hạ tầng, cung cấp các dịch vụ công ích, các dịch vụ tài chính. Bản đồ đói nghèo và xác định đơn vị nghèo về mặt địa lý như thế cho những hướng dẫn quý báu không chỉ đối với việc phân bổ lợi ích của các chương trình phúc lợi quốc gia, mà còn phân bổ những nguồn lực trong các chương trình, chiến lược phát triển của một quốc gia³.

Việc xây dựng bản đồ đói nghèo luôn bị thách thức bởi việc thiếu thông tin thích hợp: những thông tin về hộ gia đình trong các điều tra mẫu mức sống dân cư khá thích hợp cho việc phân tích những đặc điểm của một hộ nghèo, nhưng số hộ gia đình được điều tra lại quá nhỏ nên không thể xây dựng bản đồ đói nghèo có độ tin cậy cao về mặt thống kê ở các cấp từ xã, huyện trở nên. Nếu sử dụng kết quả tổng điều tra (chẳng hạn tổng điều tra dân số) để lập bản đồ đói nghèo thì vấn đề đặt ra là các thông tin về hộ gia đình khá khiêm tốn, thiếu toàn diện. Để khắc phục những hạn chế như trên nhằm xây dựng được bản đồ đói nghèo, người ta thiết lập một kỹ thuật gồm hai bước. Bước 1: sử dụng thông tin điều tra mẫu hộ gia đình để ước lượng đói nghèo hoặc chỉ tiêu của hộ gia đình theo một loạt các đặc điểm của hộ gia đình như kết cấu hộ

2. Jesko Henschel, Jean Olson Lanjouw, Peter Lanjouw, and Javier Poggi, *Combining Census and Survey Data to Study Spatial Dimensions of Poverty*, Policy Research Working Paper 1928, Development Research Group, The World Bank, 1998.
3. David Bigman, Hippolyte Fofack, *Geographical Targeting for Poverty Alleviation: Methodology and Applications*, The World Bank, 2000.

gia đình, giáo dục, nghề nghiệp, nhà cửa và sở hữu tài sản. Bước 2: thông tin tổng điều tra về những đặc điểm của hộ gia đình đã được đề cập trong bước 1 được gán vào phương trình tìm được trong bước 1 để ước lượng tình hình đói nghèo của từng hộ gia đình trong tổng điều tra, từ đó có thể tính được tỷ lệ hộ đói nghèo cho các khu vực địa lý như vùng, tỉnh, huyện hoặc xã⁴. Ở bước 2 này, các nhà kinh tế ứng dụng Hệ thống thông tin địa lý (GIS - Geographic Information System) để định vị địa lý những thông tin nhân khẩu học - kinh tế - xã hội của hộ gia đình. Điều này cho phép việc sắp xếp, trình bày các thông tin có liên quan dưới dạng bản đồ; xử lý, so sánh, phân tích chúng nhằm tìm ra các mối quan hệ giữa chúng về mặt địa lý.

Cho đến nay, công tác bản đồ hóa đói nghèo ở Việt Nam đã có những kết quả bước đầu rất đáng khích lệ. Gần đây nhất, một nhóm các nhà nghiên cứu nước ngoài với sự trợ giúp tài chính của Cơ quan Phát triển quốc tế Niu-Dilân, sự hỗ trợ kỹ thuật của Ngân hàng Thế giới và Cơ quan hợp tác phát triển của Thụy Sĩ đã phối hợp với các nhà khoa học Việt Nam thuộc các bộ, ngành có liên quan như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Tổng cục Thống kê thực hiện phân tích kết quả Điều tra mẫu mức sống dân cư 1997/1998 và Tổng điều tra dân số và nhà ở 1999 (với 33% tổng điều tra) theo 2 bước nêu trên, và lập nên bản đồ đói nghèo của Việt Nam ở các cấp vùng, tỉnh, huyện và xã⁵. Một số kết quả đáng chú ý từ nghiên cứu này như sau:

- Nghiên cứu tái khẳng định rằng bản đồ đói nghèo cấp huyện cho biết tình trạng đói nghèo chi tiết hơn bản đồ đói nghèo cấp vùng hoặc tỉnh. Nghĩa là, bản đồ đói nghèo càng cụ thể đến các cấp hành chính thấp hơn tỉnh như huyện, xã, công tác xác định đối tượng và địa bàn đói nghèo càng chính xác hơn. Chẳng hạn, ở bản đồ cấp tỉnh, Sơn La và Lai Châu có tỷ lệ hộ đói nghèo trong

khoảng 70-80%. Trong bản đồ đói nghèo ở cấp huyện lại cho thấy sự dao động lớn về tỷ lệ hộ đói nghèo giữa hai địa phương này. Một số huyện có tỷ lệ đói nghèo thấp hơn 70% (như huyện Yên Châu, Bắc Yên, Mộc Châu) ở Sơn La, một số huyện có tỷ lệ đói nghèo trên 90% ở Lai Châu (các huyện Mường Tè, Sìn Hồ). Tỷ lệ hộ đói nghèo dao động lớn giữa các huyện (và xã): có những huyện vùng sâu, vùng xa ở miền núi có tới 90% dân số sống dưới mức nghèo khổ, trong khi đó ở khu vực trung tâm đô thị lớn, tỷ lệ đói nghèo thấp hơn 5% dân cư.

- Hầu hết những người nghèo sinh sống và làm ăn ở những vùng, khu vực kém nghèo hơn. Mật độ người nghèo thấp nhất ở những khu vực có tỷ lệ đói nghèo cao nhất (như vùng nông thôn núi cao), trong khi đó mật độ đói nghèo cao nhất tại những vùng có tỷ lệ đói nghèo thấp (như các thành phố, và khu vực đồng bằng nông thôn). Số lượng tuyệt đối của người nghèo sống ở khu vực có tỷ lệ đói nghèo cao khá thấp vì mật độ dân số ở những vùng này thấp. Ngược lại, hầu hết người nghèo nông thôn sống ở đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long do những vùng này có mật độ dân số cao hơn.

- Các yếu tố thuộc về điều kiện đất đai, thời tiết khí hậu nông nghiệp và khả năng tiếp cận với thị trường giải thích đến 3/4 biến động về tỷ lệ đói nghèo trong nông thôn, và gần 1/5 ở khu vực thành thị.

- Một lần nữa, nghiên cứu khẳng định rằng độ chi tiết và tính chính xác của bản đồ đói nghèo tăng lên khi làm bản đồ ở các cấp càng thấp (đến xã, thậm chí đến làng nếu điều kiện cho phép) đi đôi với việc sử dụng

4. Nicholas Minot and Bob Baulch, *The Spatial Distribution of Poverty in Vietnam and the Potential for Targeting*, MSSD Discussion Paper No. 42, Markets and Structural Studies Division, International Food Policy Research Institute, 2002.

5. Xem Nicholas Minot, Bob Baulch, Micheal Epprecht, *Poverty and Inequality in Vietnam: Spatial Patterns and Geographic Determinants*, 2003.

đầy đủ toàn bộ thông tin tổng điều tra⁶.

3. Với việc sử dụng các công cụ kinh tế lượng hiện đại và một lượng thông tin đồ sộ từ các cuộc điều tra mẫu và tổng điều tra, nghiên cứu trên đã xác định được địa bàn sinh sống và làm ăn của người nghèo đến cấp huyện với những thông số có thể tin cậy được, đưa ra những lựa chọn cho các chương trình xóa đói giảm nghèo theo hướng tập trung vào khu vực nghèo hoặc là nhóm người nghèo. Mặt khác, nghiên cứu trên cũng có những hạn chế và chính những hạn chế này lại là những gợi mở cho các nghiên cứu trong tương lai như sau:

- Hạn chế lớn nhất là các ước lượng về tỷ lệ đói nghèo trong bản đồ đói nghèo ở cấp xã có độ tin cậy không cao, chưa thực sự làm căn cứ cho việc hoạch định chính sách xóa đói giảm

nghèo, và rộng hơn là chính sách phát triển trên nên tảng có sự tham gia rộng rãi, đầy đủ của tất cả các tầng lớp nhân dân. Để khắc phục điều này, các nghiên cứu trong tương lai cần được phép tiếp cận với toàn bộ số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999 (hoặc chí ít cũng khoảng 90% toàn bộ số liệu).

- Việc quá nhấn mạnh đến tác động của các yếu tố thuộc về điều kiện tự nhiên, khí hậu, sinh thái khiến cho nghiên cứu còn hạn chế trong việc đề ra các khuyến cáo về chính sách phát triển. Thực tiễn xu hướng và động thái đói nghèo ở Việt Nam cho thấy tỷ lệ hộ đói nghèo giảm nhanh chóng trong giai đoạn 1993-1998 là do tác động chủ yếu của thu nhập của hộ gia đình tăng, trong đó phần tăng cao nhất là thu nhập từ hoạt động trồng trọt (bảng 2).

BẢNG 2: Đóng góp vào tăng trưởng chung của từng nguồn thu nhập ở khu vực nông thôn theo vùng giai đoạn 1993-1998 (%)

Nguồn thu nhập	Vùng núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Duyên hải Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long	Trung bình khu vực nông thôn
Trồng trọt	45	47	30	55	75	30	58	48
Chăn nuôi	8	-1	7	8	10	10	9	7
Thủy hải sản	2	4	3	0	1	1	8	3
Trồng rừng	6	0	5	2	0	2	-2	2
Hoạt động kinh doanh	16	21	7	2	11	10	12	11
Tiến công	11	16	17	30	1	26	7	15
Các khoản chuyển nhượng	11	12	28	3	1	18	11	13
Khoản khác	1	1	3	-1	1	3	-3	1
Tổng cộng	100	100	100	100	100	100	100	100

Nguồn: Tính toán từ Điều tra mức sống dân cư năm 1993 và năm 1998

Theo bảng 2, hoạt động trồng trọt có vai trò quan trọng nhất trong đóng góp vào tăng trưởng thu nhập ở nông thôn Việt Nam trong tất cả bảy vùng kinh tế - sinh thái: từ 30% đối với vùng Duyên hải Bắc Trung Bộ và Đông Nam Bộ cho đến mức cao nhất là 75% đối với Tây Nguyên. Nguồn đóng góp lớn thứ hai là thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh - doanh phi nông nghiệp (đối với vùng miền núi phía Bắc, đồng bằng sông Hồng, Tây Nguyên, và đồng bằng sông Cửu Long), hoặc thu nhập từ tiền công (đối với vùng duyên hải Nam Trung

Bộ và Đông Nam Bộ)⁷. Kết quả ấn tượng về tầm quan trọng của hoạt động trồng trọt là do các hộ gia đình ở tất cả 7 vùng kinh tế - sinh thái và ở tất cả các nhóm thu nhập (từ nhóm nghèo nhất cho đến nhóm giàu nhất) thực hiện đa dạng hóa hoạt động trồng trọt, thương mại hóa sản phẩm từ hoạt động trồng trọt

6. Các tác giả của nghiên cứu này chỉ khai thác 33% trong toàn bộ kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999, và đó là lý do các tác giả này khuyến cáo rằng việc sử dụng bản đồ đói nghèo cấp xã từ nghiên cứu này cần hết sức cẩn trọng vì các sai số thống kê quá lớn.

(trong đó bao gồm: chuyển sang các hoạt động đem lại giá trị kinh tế cao, hoặc sản xuất các sản phẩm có giá trị kinh tế cao), bên cạnh tác động của mở rộng diện tích trồng trọt, giá cả tăng, hay việc sử dụng các giống cây cho năng suất cao.

- Song song với tác động của đa dạng hóa thu nhập và đa dạng hóa trồng trọt trong nông nghiệp làm giảm nghèo nhanh chóng, cần phải kể đến tầm quan trọng của các yếu tố vĩ mô như sự ổn định của nền kinh tế vĩ mô (thể hiện thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế qua các năm, tỷ lệ lạm phát qua các năm, tỷ lệ đầu tư chung qua các năm), đầu tư của Nhà nước vào phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở các cấp độ vùng, tỉnh. Những yếu tố này có vai trò quan trọng không chỉ với công tác xóa đói giảm nghèo, mà còn tác động đến nhịp độ tăng trưởng chung của cả nền kinh tế, và như thế tác động trở lại đối với vấn đề xóa đói, giảm nghèo trên phạm vi cả nước, cũng như dưới góc độ vùng, tỉnh.

- Nghiên cứu về đói nghèo không được bỏ qua vai trò của các điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội trên địa bàn. Để xây dựng bản đồ đói nghèo ở cấp huyện, xã, cần tính đến các điều kiện về trình độ phát triển kinh tế - xã hội, các yếu tố thuộc về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của các huyện, xã. Trên cơ sở đó hình thành các chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên phạm vi cả nước có tính đến những đặc thù cấp huyện, xã, nhằm huy động, phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh của cơ sở trong tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo. Hiện nay, bên cạnh nguồn thông tin về hộ gia đình trong Tổng điều tra dân số và nhà ở, chúng ta có Tổng điều tra nông nghiệp chứa đựng không chỉ những thông tin về hộ gia đình phong phú hơn mà cả những thông tin về hạ tầng cơ sở kinh tế - xã hội của hơn 9000 xã ở Việt Nam. Đây thực sự là nguồn thông tin quý báu cho công tác nghiên cứu lập bản đồ nghèo ở các cấp thấp hơn cấp huyện.

Nếu các nhà nghiên cứu tiếp cận được các nguồn thông tin từ các tổng điều tra như trên (ở mức độ toàn bộ điều tra hoặc đến khoảng 90%), chúng ta có thể thiết lập bản đồ đói nghèo đến cấp xã với các thông số ước lượng tỷ

lệ đói nghèo đáng tin cậy có thể làm cơ sở cho các hoạch định chính sách phát triển. Làm được thế, chúng ta có thể hướng các chính sách phát triển, chương trình mục tiêu của chúng ta từ phạm vi 61 tỉnh, thành với trên 275.000 hộ gia đình trong một tỉnh đến khoảng 10.533 xã với khoảng 1.700 hộ gia đình trong một xã trên phạm vi cả nước.

Bên cạnh bản đồ đói nghèo, chúng ta có thể thiết lập một loạt các bản đồ khác đến cùng cấp xã và kết hợp khai thác chúng trong quá trình hoạch định chính sách, đó là bản đồ về bất bình đẳng thu nhập, bản đồ dinh dưỡng, bản đồ về đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp, thu nhập trong nông nghiệp, bản đồ về các nhóm đối tượng xã hội dễ bị tổn thương, bản đồ tình hình kinh tế - xã hội thiết kế đặc biệt đối với các nhóm dân tộc ít người. Trước mắt, chúng ta có thể xây dựng hệ thống chính sách xóa đói giảm nghèo từ cơ sở (xã) trên cơ sở khai thác các thông tin từ Tổng điều tra nông nghiệp 2001.

Chúng ta có đường lối và quan điểm đúng đắn về xóa đói giảm nghèo (đi đôi với phân phối công bằng hơn thu nhập) trong quá trình tăng trưởng kinh tế. Các nghiên cứu về giảm nghèo ở Việt Nam thời gian tới cần mạnh dạn sử dụng các kỹ thuật phân tích hiện đại cùng với việc khai thác triệt để nguồn thông tin điều tra phong phú, nóng hổi trên phạm vi cả nước. Việc sử dụng các thông tin quý giá của Tổng điều tra nông nghiệp, Tổng điều tra dân số và nhà ở có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc hoạch định chính sách xóa đói giảm nghèo. Đồng thời, thông tin tổng điều tra cũng có giá trị lịch sử nhất định, cho nên thiết nghĩ việc sử dụng chúng sao cho hợp lý, hiệu quả, đáp ứng được kỳ vọng của giới nghiên cứu và các nhà hoạch định chính sách là điều cần quan tâm thích đáng. Làm như thế, chúng ta có thêm năng lực đẩy nhanh xóa đói giảm nghèo một cách hiệu quả trong bối cảnh hạn hẹp về nguồn lực, tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cao và bền vững ở các chu trình tiếp theo./

7. Đối với gia đình ở khu vực thành thị, nguồn thu nhập từ tiền công chiếm 50% tổng tăng thu nhập thành thị, còn lại là thu nhập từ hoạt động sản xuất - kinh doanh phi nông nghiệp.